

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 46/2020/DS-ST

Ngày: 29-9-2020

"*V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Sơn Thanh Huyền**.

2. Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST – DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Hồng B** – sinh năm 1963 (có mặt).

- Bị đơn: 1/ Anh **Bùi Văn T** – sinh năm: 1982 (vắng mặt).

2/ Chị **Nguyễn Thị Ngọc P** - sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và những lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Hồng B trình bày:*

Anh Bùi Văn T có tham gia 02 dây hụi do bà Đặng Hồng B làm đầu thảo cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi mùa 5.000.000đ, 04 tháng khui một lần, mở hụi ngày 09/7/2015 âm nhằm ngày 24/7/2015 dl, mãng hụi ngày 15/3/2020 âm nhằm ngày 08/3/2020 dl, có 15 phần, anh T tham gia 01 phần. Mỗi lần khui hụi đầu thảo hưởng hoa hồng 1.800.000đồng. Anh T đã đóng hụi được 01 lần hụi sống đến lần khui hụi thứ 02 thì anh Trà hốt hụi. Bà B đã giao đủ tiền hụi cho anh T.

Sau khi lãnh hội, anh T đóng được 03 lần hội chết ở lần kêu hội thứ 05 rồi ngưng không đóng nữa. Bà B phải đóng hội chết thay cho anh T từ lần khai hội thứ 05 cho đến khi mãn hội với số tiền là 10 lần x 5.000.000đồng= 50.000.000đồng.

- Dây hội thứ hai: Hội thàng 1.000.000đ, mở hội ngày 16/01/2017 âm lịch ngày 13/01/2017 dl, mãng hội ngày nào thì bà B không nhớ rõ nhưng dây hội này hiện nay đã mãn hội, có 16 phần, anh T tham gia một phần. Mỗi lần khai hội đầu thảo hương hoa hồng 400.000đồng. Anh T tham gia đến lần khai hội thứ 03 thì hết hội. Bà B đã giao đủ tiền hội cho anh T. Sau khi hết hội, anh T có đóng hội chết đến lần khai hội thứ 14 rồi ngưng không đóng nữa. Bà B phải đóng hội chết thay cho anh T với số tiền là 02 lần x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền hội anh T còn thiếu bà B ở hai dây hội nêu trên là 52.000.000đồng.

Vào ngày 17/7/2019 âm lịch ngày 19/9/2019 dl, anh T có làm tờ xác nhận nợ cho bà B với số tiền là 52.000.000đồng để xác nhận anh T còn nợ tiền hội của bà B số tiền nêu trên và có hẹn trong năm 2019 anh T sẽ trả đủ tiền cho bà B nhưng đến nay anh T vẫn không trả tiền. Bà B có nhiều lần đến gặp yêu cầu anh T và vợ là chị Nguyễn Thị Ngọc P trả tiền nợ hội cho bà nhưng anh T và chị P vẫn không trả.

Anh T tham gia chơi hội do bà B làm đầu thảo ở các dây hội trên thì vợ anh là chị Nguyễn Thị Ngọc P có biết, do chị P có nhiều lần trực tiếp đóng tiền hội cho bà B.

Nay bà Đặng Hồng B yêu cầu anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P phải trả cho bà số tiền hội còn thiếu là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

** Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày:*

Sự việc bà B khởi kiện anh T và chị P yêu cầu trả tiền nợ hội thì anh T đã đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, chị P có thông báo sự việc bà B khởi kiện yêu cầu anh T và chị P trả tiền nợ hội thì anh T thừa nhận có nợ tiền của bà B nhưng không nhớ số tiền nợ là bao nhiêu. Sự việc anh T nợ hội của bà B thì chị không biết vì trong gia đình nhưng tiền của ai người đó sử dụng, nợ của ai người đó biết.

** Đối với bị đơn anh Bùi Văn T:*

Anh Bùi Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật. Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hội, họ, biểu, phường; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng B.

Buộc anh Bùi Văn Trà và chị Nguyễn Thị Ngọc P liên đới trả cho bà Đặng Hồng B số tiền nợ hội là 52.000.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí theo quy định.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp: Bảng khai ý kiến; Sổ hộ khẩu chủ hộ tên Lê Văn Năm (bản sao); giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Hồng B (bản sao); Đơn xin xác nhận hộ khẩu bị đơn; 01 (một) Biên bản hòa giải tại ấp ngày 08/5/2020 (bản gốc); 01 (một) danh sách hội 5.000.000đồng đề ngày mùng 9/4/2015 (bản gốc); 01 (một) giấy xác nhận nợ ngày 17/7/2019 âm lịch (bản gốc); đơn xin giải quyết ngày 24/3/2020 của Đặng Hồng B (bản gốc).

Tài liệu chứng cứ của bị đơn cung cấp: chị P nộp bản khai ý kiến, bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt nên không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ngoài ra, đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đặng Hồng B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội giữa bà và anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hụi giữa bà Đặng Hồng B và anh Bùi Văn T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Hồng B là chủ thảo của hai dây hụi trong đó có anh Bùi Văn T là hụi viên. Việc anh T tham gia chơi hụi do bà B (tên thường gọi là “5 Cò”) là chủ thảo được một số hụi viên cùng tham gia dây hụi xác nhận. Sau khi anh T lãnh hụi đã không thực hiện nghĩa vụ đóng lại tiền hụi chết cho chủ thảo là bà B đối với dây hụi mùa 5.000.000đồng và dây hụi tháng 1.000.000đồng dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B bị xâm phạm. Theo bà B trình bày do anh T không có khả năng đóng tiền hụi chết nên vào ngày 17/7/2019 anh T đã vào ngày 19/9/2019 anh T có trực tiếp viết và ký vào biên nhận nợ với nội dung còn thiếu thiếu 5 (Cò) 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng). Nay bà B yêu cầu anh T và vợ là chị Nguyễn Thị Ngọc P phải trả số tiền nợ hụi của hai dây hụi với số tiền 52.000.000đồng.

Tại phiên tòa, anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P là vợ của anh T vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị P có ý kiến, do anh T đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nên chị có thông báo sự việc bà B khởi kiện tại Tòa án để buộc anh và chị trả tiền nợ hụi thì anh T xác nhận có nợ tiền của bà B nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu, anh T đồng ý trả tiền nợ cho bà B. Do đó, bà B yêu cầu anh T và vợ là chị Nguyễn Thị Ngọc P trả số tiền nợ hụi của hai dây hụi với số tiền 52.000.000đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Riêng chị P trình bày nợ là do anh T với bà B, chị không biết vì từ trước đến nay chị và anh T là vợ chồng nhưng tiền ai người đó sử dụng, nợ ai người đó biết. Xét thấy, vào thời điểm anh T tham gia chơi hụi và nợ tiền hụi của bà B thì anh T và chị P là quan hệ vợ chồng hợp pháp, cùng sống chung và sinh hoạt trong một gia đình. Do đó, cần buộc chị Nguyễn Thị Ngọc P cùng với anh T có trách nhiệm trả nợ cho bà B số tiền nợ hụi 52.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình và Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.600.000đồng.

Bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng B.

Buộc anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Hồng B số tiền nợ hui là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Đặng Hồng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đặng Hồng B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008219, ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã ký

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiệu

